

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số¹;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

~~*Không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số ký hợp đồng với thuê bao trước ngày 01 tháng 01 năm 2017. Trường hợp gia hạn hợp đồng hoặc ký mới phải nộp phí theo quy định.²*~~

Điều 2. Người nộp phí

Người nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số là

¹ Chữ đậm, nghiêng: Là nội dung bổ sung so với Thông tư số 305/2016/TT-BTC.

² Chữ in nghiêng: Là nội dung Thông tư số 17/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 305/2016/TT-BTC.

các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho tổ chức, doanh nghiệp sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) là tổ chức thu phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí

1. ~~Mức thu phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số: 3.000 đồng/tháng/01 chứng thư số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao là tổ chức, doanh nghiệp (không bao gồm cá nhân), trừ chứng thư số đang còn hiệu lực theo hợp đồng ký trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.~~

2. Chứng thư số do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao phát sinh hiệu lực hoạt động tại bất cứ thời điểm nào của tháng được tính là 01 (một) tháng sử dụng.

Điều 5. kê khai, nộp phí

1. Đối với người nộp phí, thực hiện như sau:

Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số kê khai, nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số theo quý, chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) của quý tiếp theo.

2. Đối với tổ chức thu phí, thực hiện như sau:

a) Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ”.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được để lại 90% 85% số phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công việc, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; nộp 10%-15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành”.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

~~2. Đối với chứng thư số mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thư chữ ký số cấp cho thuê bao theo hợp đồng ký trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 không phải nộp phí từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến khi hết hạn hợp đồng.~~

2. Thông tư này bãi bỏ: Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số và Thông tư số 17/2018/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 305/2016/TT-BTC.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, **chứng từ thu phí** và công khai chế độ thu phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; **Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP** Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)".

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ,
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục thuế, KBNN TP. Hà Nội;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ CST (CST5) (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai